

## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỰ CHỦ ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT

**Đình Văn Thái,  
Nguyễn Đức Ca<sup>+</sup>**

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
+Tác giả liên hệ • Email: cand@vnies.edu.vn

### Article history

Received: 09/5/2023

Accepted: 31/7/2023

Published: 05/10/2023

### Keywords

State management, university  
education, university  
autonomy

### ABSTRACT

University autonomy in Vietnam has not really come into full play due to incomplete and inconsistent guidelines and policies of the State on university education. Autonomy, especially in the areas of financial management, system management, human resources, enrollment, facilities and infrastructure, still expose limitations. The transition from the State's management and control mechanism to State supervision is still slow. The inappropriate role of the State in university autonomy is manifested through the State's excessive inference in the internal affairs of tertiary institutions; which even hinders the trend of university autonomy and the development of the university education institution itself. In this article, the authors present the current situation in State management of university education concerning university autonomy, thereby proposing some solutions to improve the role and efficiency in State management of this issue in Vietnam today.

### 1. Mở đầu

Trong thời đại ngày nay, giáo dục đại học (GDĐH) giữ vai trò rất quan trọng đối với sự hưng thịnh của mỗi quốc gia và các trường đại học (ĐH) đã trở thành biểu tượng tri thức của một đất nước. Tự chủ đại học (TCDH) là xu thế phát triển tất yếu khách quan. TCDH là cần thiết và phù hợp với xu thế chung của thế giới và khu vực. Có thể nhận thấy, TCDH của Việt Nam đã được thể chế hóa, cụ thể hóa, bước đầu tạo được hành lang pháp lý để vận hành. Tuy nhiên, nhiều học giả, tổ chức độc lập cho rằng các quyền TCDH chưa thật sự phát huy hết tác dụng vì tính chất chưa triệt để và thiếu sự nhất quán, đồng bộ các chủ trương, chính sách của Nhà nước về GDĐH. Các cơ sở GDĐH dường như vẫn rất mong muốn được tăng thêm quyền tự chủ, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý tài chính, bộ máy, nhân sự, tuyển sinh, trang thiết bị, cơ sở vật chất. Một số cơ sở GDĐH cho rằng: sự dịch chuyển từ cơ chế quản lý kiểm soát sang giám sát của Nhà nước còn chậm; vai trò của Nhà nước đối với TCDH thể hiện sự bất hợp lý khi can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của cơ sở GDĐH; thậm chí gây cản trở xu thế TCDH và sự phát triển của chính cơ sở GDĐH đó.

Bài báo trình bày về thực trạng chung trong quản lý nhà nước (QLNN) đối với GDĐH về TCDH, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả QLNN trong lĩnh vực này ở Việt Nam hiện nay.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Một số khái niệm

- Cơ sở GDĐH là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo (ĐT) các trình độ của GDĐH, hoạt động KH-CN, phục vụ cộng đồng. Cơ sở GDĐH bao gồm ĐH (ĐH quốc gia, ĐH vùng), trường ĐH và cơ sở GDĐH có tên gọi khác phù hợp với quy định của pháp luật. ĐH quốc gia, ĐH vùng là ĐH thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng của đất nước (Thủ tướng Chính phủ, 2014).

- QLNN về GDĐH là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước đối với các hoạt động GDĐH do các cơ quan quản lý có trách nhiệm về GDĐH của Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở GDĐH tiến hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước nhằm phát triển sự nghiệp GDĐH, duy trì kỉ cương, thoả mãn nhu cầu GDĐH của nhân dân, thực hiện mục tiêu GDĐH của Nhà nước (Bùi Hiền và cộng sự, 2001).

- TCDH là khái niệm phản ánh mối tương quan giữa Nhà nước và cơ sở ĐT ĐH theo hướng phát huy năng lực nội tại của các cơ sở ĐT và giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của cơ quan công quyền. TCDH cũng được hiểu là các

trường ĐH được tự chủ theo quy định của pháp luật, gắn với tự chịu trách nhiệm và được thể chế hóa từng phần trong từng lĩnh vực hoạt động của các cơ sở GDĐH. Từ chỗ toàn thể hệ thống GDĐH như một trường ĐH lớn, chịu sự QLNN về mọi mặt thông qua cơ quan chủ quản là Bộ GD-ĐT, các trường ĐH đã và đang dần được trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thể hiện qua các văn bản pháp quy của Nhà nước (Quốc hội, 2019).

## 2.2. Vai trò quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học

QLNN đối với GDĐH có vai trò đặc biệt quan trọng quyết định hiệu lực, hiệu quả của GDĐH, quyết định chất lượng của GDĐH, thể hiện cụ thể qua những nội dung sau:

- *Về thể chế QLNN đối với GDĐH, giúp xây dựng môi trường pháp lý và ngăn ngừa, xử lý vi phạm pháp luật trong GDĐH*: Thể chế QLNN đối với GDĐH với một hệ thống pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, là cơ sở pháp lý cho các cơ quan thực hiện QLNN các cấp tiến hành các hoạt động quản lý, bảo đảm tính thống nhất trong QLNN. Vì vậy, hệ thống văn bản pháp luật phải ngày càng được bổ sung, hoàn chỉnh, hoàn thiện và hiệu lực, hiệu quả ngày càng tăng (Bùi Minh Hiền và cộng sự, 2014).

- *Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy QLNN về GDĐH hoạt động thống nhất, hiệu quả*: Bộ máy QLNN về GDĐH có vai trò đặc biệt quan trọng, là cơ quan, đơn vị thực hiện cụ thể hóa thể chế, chiến lược và chính sách phát triển GDĐH của Nhà nước, đồng thời là đơn vị thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với GDĐH. Hoàn thiện bộ máy về tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện về năng lực và trình độ của đội ngũ quản lý, hoàn thiện về nội dung và phương thức quản lý (Bùi Minh Hiền và cộng sự, 2014).

- *QLNN đối với GDĐH nhằm góp phần nâng cao chất lượng GDĐH*: Chất lượng GDĐH chịu sự quyết định của rất nhiều yếu tố cùng với sự quản lý chặt chẽ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đóng vai trò quyết định. Nếu GDĐH phát triển về số lượng mà không có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của Nhà nước thì sẽ không thể bảo đảm được chất lượng (Bùi Minh Hiền và cộng sự, 2014).

Tuy nhiên, quản lý ĐT còn chưa phù hợp với xu hướng quốc tế: các quy định liên quan đến chương trình, tổ chức ĐT, hình thức, phương thức, thời gian ĐT, khối lượng kiến thức,... còn chưa tương thích nên hạn chế trong liên thông và hội nhập quốc tế; hạn chế tính dịch chuyển của sinh viên và khả năng trao đổi về ĐT giữa các quốc gia. Các cơ sở GDĐH chưa được tự chủ cao trong mở ngành ĐT, liên kết, hợp tác quốc tế để phát triển các chương trình liên kết, cải tiến các chương trình ĐT tiệm cận chuẩn mực quốc tế, nâng cao chất lượng ĐT đáp ứng yêu cầu nhân lực của thị trường lao động trong và ngoài nước. QLNN còn nhiều điểm chưa phù hợp với điều kiện TGDH, còn chưa thật phù hợp với thông lệ quốc tế, làm ảnh hưởng quá trình hội nhập quốc tế của GDĐH Việt Nam.

## 2.3. Đặc điểm trong tự chủ đại học ở các nước châu Âu

- Thoát ra khỏi sự kiểm soát của các cơ quan QLNN, của thị trường lao động, của nhà cung cấp dịch vụ và của sự ảnh hưởng chính trị (Baker & Wiseman, 2008). TGDH được hiểu là sự tự quản lý, tự điều hành các hoạt động của trường ĐH mà không bị chi phối bởi các yếu tố bên ngoài như thị trường lao động hay các lực lượng chính trị. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng trở nên cạnh tranh và đòi hỏi nguồn nhân lực có kỹ năng cao, nhiều trường ĐH đã phải thay đổi chương trình ĐT của mình để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, việc điều chỉnh chương trình ĐT dựa vào yêu cầu của thị trường lao động có thể dẫn đến việc giáo dục trở thành một sản phẩm được thị trường quyết định thay vì là một công cụ giúp sinh viên phát triển bản thân và nắm bắt kiến thức. Các trường ĐH được tự chủ trong việc thiết kế chương trình ĐT, khi đó giảng viên và sinh viên có thể tập trung vào mục đích lớn hơn là phát triển khả năng tư duy, kỹ năng xã hội và sự sáng tạo. Điều này không chỉ giúp cho sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để tự mình xây dựng sự nghiệp thành công mà còn giúp xã hội có những công dân có trình độ văn hóa cao, có khả năng đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

- Quyền tự do đưa ra quyết định về cách thức tổ chức hoạt động cũng như mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường. Nghiên cứu về các mô hình quản trị ĐH của châu Âu và trên thế giới cho chúng ta thấy mức độ tự chủ được thể hiện ở mức độ kiểm soát của Nhà nước đối với cơ sở GDĐH ở các quốc gia là khác nhau do chịu ảnh hưởng của thể chế chính trị, KT-XH không giống nhau. Thậm chí ở trong cùng một quốc gia, mức độ tự chủ của các cơ sở GDĐH cũng có thể khác nhau, tùy thuộc vào chất lượng của các cơ sở GDĐH. Thể chế tự chủ cao hơn là yếu tố then chốt tạo ra sự thành công của các cuộc cải cách ĐH (Baker & Wiseman, 2008).

## 2.4. Thực trạng chung về quản lý nhà nước đối với tự chủ đại học ở Việt Nam hiện nay

### 2.4.1. Quản lý nhà nước đối với tự chủ đại học ở Việt Nam

Điều lệ trường ĐH đã nêu rõ: trường ĐH được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động ĐT, KH-CN, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự (Thủ tướng Chính phủ, 2014). Luật Giáo dục đã đề cập việc thực hiện phân công, phân cấp quản lý giáo dục, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục (Quốc hội, 2019). Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020 chủ trương đổi mới cơ chế quản lý, chuyển các cơ sở GDĐH công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, có pháp nhân đầy đủ, có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về ĐT, nghiên cứu, tổ chức, nhân sự và tài chính; xóa bỏ cơ chế Bộ chủ quản, xây dựng cơ chế đại diện sở hữu Nhà nước đối với các cơ sở GDĐH công lập (Chính phủ, 2005).

Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập GD-ĐT đã nêu rõ quyền tự chủ của đơn vị trong việc xác định nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện; trong việc tổ chức bộ máy và biên chế trong đơn vị; trong việc tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ, 2009).

Nghị quyết số 05-NQ/BCSĐ về đổi mới GDĐH giai đoạn 2010-2012 đánh giá thực trạng quản lý GDĐH và chỉ đạo tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và kiểm soát bên trong của trường ĐH phù hợp với các quy định của Nhà nước (Ban Cán sự Đảng Bộ GD-ĐT, 2010). Chỉ thị số 296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý GDĐH trong giai đoạn 2010-2012 cũng nêu rõ việc đổi mới quản lý GDĐH bao gồm QLNN về giáo dục và quản lý của các cơ sở ĐT là khâu đột phá để tạo ra sự đổi mới toàn diện GDĐH, để từ đó các trường ĐH, cao đẳng thực hiện quyền tự chủ và nghĩa vụ tự chịu trách nhiệm trước xã hội và Nhà nước theo quy định của Luật Giáo dục (Thủ tướng Chính phủ, 2010).

Luật GDĐH đặc biệt quan tâm đến vấn đề tự chủ của cơ sở GDĐH. Quyền TCDH đã được thể hiện ở nhiều điều khoản của Luật về hội đồng trường, hiệu trưởng, tuyển sinh, chương trình ĐT, văn bằng, tài chính,... Khoản 11, Điều 4, Luật GDĐH quy định: “*Quyền tự chủ là quyền của cơ sở GDĐH được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở GDĐH*” (Quốc hội, 2019).

Sau 6 năm triển khai thí điểm TCDH, Việt Nam đã có khoảng 30 cơ sở GDĐH công lập thực hiện tự chủ (hiện nay, cả nước có tổng cộng 141/232 trường ĐH đủ điều kiện tự chủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Luật GDĐH). Với thí điểm TCDH, các cơ sở GDĐH được lựa chọn đã có những thành tựu nhất định: vị thế của các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được củng cố và có thêm động lực để phát triển, ảnh hưởng sâu rộng và tích cực tới xã hội, tạo nguồn thu linh hoạt, thu nhập của đội ngũ cán bộ tăng lên, khả năng hội nhập dễ dàng hơn...

Thực tế cho thấy, việc giao quyền tự chủ đối với cơ sở GDĐH thời gian vừa qua mới chỉ thực hiện thí điểm, giao từ trên xuống chứ hầu như chưa trở thành nhu cầu nội tại của các cơ sở GDĐH; điều kiện tự chủ mới chủ yếu tiếp cận từ góc độ tổ chức nhân sự, tài chính và tài sản mà hầu như chưa tính đến việc tự chủ về chuyên môn và học thuật (yếu tố mấu chốt tạo sự đột phá trong công tác ĐT).

### 2.4.2. Thực trạng quản lý nhà nước theo những nội dung chủ yếu đối với tự chủ đại học ở Việt Nam

TCDH ở Việt Nam được quy định trên 3 phương diện chủ yếu sau:

- *Tự chủ về chuyên môn và học thuật*: Theo Khoản 3, Điều 32, Luật GDĐH (sửa đổi) quy định về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH quy định: “*Quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn bao gồm ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, mở ngành, tuyển sinh, ĐT, hoạt động KH-CN, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật*” (Quốc hội, 2019).

Tính đến nay, Việt Nam vẫn chưa thật sự có TCDH theo nghĩa đầy đủ của khái niệm này. Trên cơ sở kết quả thẩm định về chương trình GDĐH cho các ngành/ngành của Hội đồng Quốc gia, Bộ GD-ĐT quy định chương trình khung cho từng ngành ĐT đối với trình độ cao đẳng, ĐH bao gồm cơ cấu nội dung các môn học, thời gian ĐT, tỉ lệ phân bổ thời gian ĐT giữa các môn học, giữa lý thuyết với thực hành, thực tập. Căn cứ vào chương trình khung, các

trường ĐH xác định và thiết kế chương trình ĐT của mình. Có thể khẳng định rằng, nếu không được tự chủ, đặc biệt là tự chủ về chương trình và nếu không có tự do học thuật thì ĐH chưa phải là ĐH. Nguyên nhân cơ bản của tồn tại này là do sự hành chính hoá, chính trị hoá đối với khoa học và giáo dục.

- *Tự chủ về tổ chức và nhân sự*: Khoản 4, Điều 32 Luật GDDH (sửa đổi) quy định: “*Quyền tự chủ trong tổ chức và nhân sự bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, danh mục, tiêu chuẩn, chế độ của từng vị trí việc làm; tuyển dụng, sử dụng và cho thôi việc đối với giảng viên, viên chức và người lao động khác, quyết định nhân sự quản trị, quản lý trong cơ sở GDDH phù hợp với quy định của pháp luật*” (Quốc hội, 2019).

Với tinh thần này, trường ĐH được quyền quyết định về các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, lương bổng, sử dụng nguồn nhân lực... Cấp trường điều hành, quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu cùng với các đơn vị chức năng tham mưu giúp việc. Cấp khoa quản lý các hoạt động về ĐT và nghiên cứu khoa học của ngành trực thuộc. Cấp bộ môn trực tiếp triển khai về học thuật trong các hoạt động ĐT, nghiên cứu khoa học. Các trung tâm có nhiệm vụ triển khai ứng dụng KH-CN. Trong điều kiện thực tế hiện nay, sự ràng buộc về lợi ích và trách nhiệm giữa các chủ thể trong và ngoài liên quan đến định hướng phát triển của nhà trường, đặc biệt là cơ chế phân bổ lợi ích,... đòi hỏi phải có Hội đồng trường đại diện cho cả Nhà nước và các bên có lợi ích liên quan cũng như thay mặt cho xã hội định hướng và giám sát hoạt động của bộ máy quản lý - điều hành nhà trường, đảm bảo sự phát triển hài hòa lợi ích giữa các chủ thể và xã hội. Mục a, Khoản 2, Điều 32 Luật GDDH (sửa đổi) quy định về điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở GDDH: “*Thành lập hội đồng trường, hội đồng ĐH; công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở GDDH bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp*” (Quốc hội, 2019).

- *Tự chủ về tài chính và tài sản*: Quyền tự chủ về tài chính và tài sản theo Mục a, Khoản 3, Điều 20 Luật GDDH (sửa đổi) quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở GDDH như sau: “*Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của cơ sở GDDH*” (Quốc hội, 2019). Liên quan đến nội dung tự chủ về tài sản, Khoản 1, Điều 67 của Luật quy định: “*Tài sản của cơ sở GDDH công lập được quản lý, sử dụng theo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công. Cơ sở GDDH được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển GDDH, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục*” (Quốc hội, 2019). Nguồn tài chính cho GDDH là khoản thu nhập dưới các hình thái giá trị khác nhau nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động GDDH ở mỗi quốc gia, bao gồm các khoản chi chủ yếu sau: (1) Chi thường xuyên: lương của cán bộ, giảng viên, chi phí quản lý, hoạt động nghiệp vụ, cung ứng dịch vụ, đầu tư phát triển...; (2) Chi mua sắm và sửa chữa thiết bị: mua sắm, sửa chữa các thiết bị, phòng học, duy tu bảo dưỡng...; (3) Chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học: nghiên cứu KH-CN, hội nghị, hội thảo chuyên môn...; (4) Chi ĐT liên kết: liên kết với các trường ĐH khác trong nước và quốc tế.

Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ đã nói đến việc giao quyền tự chủ tài chính cho các “đơn vị sự nghiệp dịch vụ công”, trong đó có các trường ĐH. Bước đầu có sự chủ động về tự chủ tài chính nhưng mới chỉ được tự chủ ở mức độ rất hạn chế, “phần thu vẫn còn nhiều trôi buột”, nhất là quy định về “trần học phí” (Chính phủ, 2006).

Khoản 2, Điều 12 Luật GDDH (sửa đổi) quy định chính sách của Nhà nước về phát triển GDDH: “*Phân bổ ngân sách và nguồn lực cho GDDH theo nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, hiệu quả thông qua chi đầu tư, chi nghiên cứu phát triển, đặt hàng nghiên cứu và ĐT, học bổng, tín dụng sinh viên và hình thức khác*” (Quốc hội, 2019). Như vậy theo Luật, Nhà nước không phân bổ ngân sách và nguồn lực vào chi thường xuyên cho các trường ĐH nữa. Việc tự chủ về tài chính cũng là một trong những cơ sở quan trọng để phân loại các trường ĐH về thương hiệu. Tuy nhiên, có một số ý kiến cho rằng, nếu mở bung cơ chế tự chủ, đặc biệt là “ép” các trường phải tự chủ về tài chính ngay thì sẽ dẫn đến việc tăng học phí ở ạt, ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi của người học. Tuy nhiên, việc tăng học phí một cách thiếu khoa học có thể là một trong những tác nhân gây phản ứng ngược, giảm uy tín cũng như sức cạnh tranh của các trường ĐH. Các trường ĐH sẽ phải cạnh tranh về mức học phí trong mối tương quan với chất lượng ĐT của mình để thu hút người học. Để đảm bảo chất lượng ĐT và công bằng xã hội, trường ĐH phải chịu trách nhiệm trước người học và xã hội, với Nhà nước. Thông qua cơ chế công khai, người học có điều kiện giám sát việc thực hiện các



cam kết của nhà trường về mục tiêu ĐT, chương trình ĐT, phương pháp ĐT, chuẩn đầu ra cùng các nguồn lực đảm bảo chất lượng ĐT.

TCDH là bước đi cần thiết và quan trọng để GDĐH Việt Nam phát triển và hội nhập quốc tế. Khoản 6, Điều 32 Luật GDĐH (sửa đổi) đã quy định về trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH đối với chủ sở hữu, người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan (Quốc hội, 2019).

Nói chung, một trong những nội dung rất quan trọng của TCDH là tự chủ về học thuật, đây là cơ sở quan trọng để khẳng định uy tín, sức mạnh của các cơ sở ĐT ĐH ở các quốc gia phát triển thì với Việt Nam, công tác này vẫn còn đang vướng bởi nhiều sự ràng buộc từ phía các cơ quan chức năng. Như vậy, việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các trường ĐH ở Việt Nam thời gian qua đã thu được những kết quả ban đầu. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại không ít những bất cập mà chúng ta cần phải nhanh chóng tháo gỡ để TCDH ở nước ta được triển khai thiết thực hơn, hiệu quả hơn.

## 2.5. Một số đề xuất

### 2.5.1. Về phía các cơ quan chức năng

- Cần nhanh chóng ban hành, bổ sung kịp thời, đầy đủ hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Luật GDĐH, đi cùng với đó là rà soát, điều chỉnh để đồng bộ hóa các quy định trong các bộ luật liên quan để tránh sự chông chéo trong thực thi các văn bản luật.

- Cần chuyển đổi từ cơ chế quản lý trực tiếp sang cơ chế điều tiết, hỗ trợ bằng công cụ vĩ mô và giám sát chất lượng GDĐH của Nhà nước.

- Xây dựng đầy đủ hành lang pháp lý để các trường ĐH có thể tự tin trong triển khai thực hiện xây dựng cơ chế tự chủ theo quy định và hướng dẫn thực thi đối với các văn bản pháp quy của Nhà nước.

- Xây dựng lộ trình tự chủ của cả hệ thống GDĐH trong mối tương quan tương đối với hệ thống GDĐH trong khu vực và trên thế giới.

- Ban hành cơ chế ưu đãi cụ thể (ưu đãi có tính đến điều kiện) để khuyến khích các cơ sở GDĐH đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ chế TCDH.

- Bổ sung, hoàn thiện các thiết chế liên quan để phân định hóa, hiện thực hóa vai trò của Hội đồng trường trong các cơ sở GDĐH.

### 2.5.2. Về phía các trường đại học

Việc thực hiện TCDH ở nước ta có tính đặc thù nhưng về cơ bản vẫn phải theo quy luật phát triển GDĐH trong khu vực và trên thế giới. Theo đó các trường ĐH cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- *Tự chủ về tổ chức và nhân sự*: Cần tích cực, chủ động lên kế hoạch và xây dựng lộ trình tự chủ; thiết lập khung cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy nhân sự và nâng cao năng lực quản trị.

- *Tự chủ về tài chính*: Các trường cần hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ, chú trọng giải pháp chi theo hiệu quả công việc; phân cấp và quyền cho các đơn vị trong trường để mở rộng nguồn thu và khoán chi; ĐT nâng cao năng lực quản lý tài chính cho các đơn vị; quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các cấp; tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và công khai tài chính.

- *Tự chủ về học thuật và ĐT*: Các trường cần căn cứ vào điều kiện của mình để xây dựng chương trình ĐT theo quy định. Tiến hành đổi mới chương trình ĐT theo hướng gắn ĐT với nghiên cứu khoa học, nâng cao kỹ năng thực hành cho cả người dạy và người học; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm; tăng cường liên kết với doanh nghiệp; liên thông ĐT giữa các ngành, các trường trong và ngoài nước. Mở các ngành học mới theo nhu cầu của thực tiễn và theo hướng đa dạng hóa các ngành nghề ĐT; tiếp cận xuyên ngành; tiếp cận chương trình ĐT và giáo trình giảng dạy của các trường ĐH ở các nước phát triển trên thế giới.

## 3. Kết luận

GDĐH Việt Nam đang ở trong “quá trình - tình thế” cần có sự đột phá về chất lượng và hiệu quả. So với các nước phát triển, có kinh nghiệm hàng trăm năm để thực hiện TCDH thì chúng ta mới đi được những bước đi đầu tiên. Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ cũng là thời cơ thuận lợi giúp GDĐH Việt Nam tiếp thu những kinh nghiệm và thành tựu của các nước nhằm rút ngắn khoảng cách phát triển trong lĩnh vực này. TCDH là một quá trình phát triển, cần có điều kiện, thời gian để chuyển đổi từ nhận thức, ý thức và văn hóa

chất lượng trong hệ thống GDĐH và toàn xã hội. Cùng với việc luật hóa về vai trò QLNN đối với TCĐH thì sự đổi mới tư duy của các trường ĐH vẫn là yếu tố có tính chất quyết định đến việc thực hiện thành công mục tiêu TCĐH ở Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo

- Baker, D. P., & Wiseman, W. (2008). *The worldwide transformation of higher education*. Emerald Publishing.
- Ban Cán sự Đảng Bộ GD-ĐT (2010). *Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 06/01/2010 về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*.
- Bộ GD-ĐT, Bộ Nội vụ (2009). *Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo*.
- Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh và Vũ Văn Tào (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Bùi Minh Hiền (chủ biên), Vũ Ngọc Hải và Đặng Quốc Bảo (2014). *Quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- Chính phủ (2006). *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2015, 2018)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Thủ tướng Chính phủ (2010). *Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/02/2010 về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*.
- Thủ tướng Chính phủ (2014). *Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 ban hành Điều lệ trường đại học*.